TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v "*Tranh chấp xin ly hôn và Chia tài sản chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Ứng Cương;**

2. Ông **Nhâm Đức Hùng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Không tham gia

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, K xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 601/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp xin ly hôn và chia tài sản chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 62/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 29-8-2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Đỗ Hoàng Kh**, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K.

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc G**, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Ấp H, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Đỗ Hoàng Kh trình bày: Vào ngày 13-11-2022 được sự đồng ý của gia đình hai bên, anh và chị G thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa

phương. Tuy nhiên anh và chị G không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật.

Sau ngày cưới được hơn 01 tháng thì chị G xin về thăm cha mẹ nhưng sau đó không thấy về nên anh Kh có qua gia đình vợ để đón về nhưng chị G không về , sau đó giữa vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, dù rằng gia đình hai bên đã dằn xếp nhưng bất thành. Từ đó dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay.

Nay anh Kh xét thấy tình cảm giữa anh và chị G đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Kh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc G.

Trong thời gian chung sống giữa anh và chị G không có con chung.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện anh Kh trình bày tài sản chung gồm 6,5 chỉ vàng 24kara (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ, 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ) và 7,5 chỉ vàng 18kara (gồm: 01 bộ vòng si men 5 chỉ; 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn cưới 0.5 chỉ), yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản trên; và yêu cầu chị G trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 mà chị G đã mượn của anh Kh.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Toà án án anh Kh xin rút lại yêu cầu chia 1,5 chỉ vàng 24kara (gồm 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Đỗ Hoàng Kh có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc G.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Kh xác định có tài sản chung là 5 chỉ vàng 24kara (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ,) và 7,5 chỉ vàng 18kara (gồm: 01 bộ vòng si men 5 chỉ; 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn cưới 0.5 chỉ), yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản trên và yêu cầu chị G trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 mà chị G đã mượn của anh Kh.

Riêng 04 chỉ vàng 24kara (sợi dây chuyền) thì hiện nay đã bán và thống nhất xác định còn lại số tiền 17.000.000 đồng. Anh Kh yêu cầu chia giá trị buộc chị G trả lại số tiền 8.500.000 đồng.

Tại phiên toà anh Kh xin lại yêu cầu đòi chị G trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 mà anh Kh cho chị G mượn trị giá 8.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Kh xin rút lại yêu cầu: Chia 1,5 chỉ vàng 24kara (gồm 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ) và yêu cầu đòi chị G trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 mà anh Kh cho chị G mượn trị giá 8.000.000 đồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Hoàng Kh và chị Nguyễn Thị Ngọc G thống nhất xác định giá trị chiếc Iphone 8 hiện tại là 8.000.000 đồng, không yêu cầu định giá tài sản là chiếc Iphone 8 này.

* Tại bản tự khai của đương sự ngày 07-3-2023 (bút lục số: 16) và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G có ý kiến trình bày: Vào ngày 13-11-2022 được sự đồng ý của gia đình hai bên, chị và anh Kh thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Tuy nhiên chị và anh Kh không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật.

Sau ngày cưới được hơn 01 tháng thì chị G xin về thăm cha mẹ nhưng sau đó không về, giữa vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, dù rằng gia đình hai bên đã dằn xếp nhưng bất thành. Từ đó dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay.

Nay anh Kh xét thấy tình cảm giữa anh và chị đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

Trong thời gian chung sống giữa chị và anh Kh không có con chung.

Về tài sản chung: Chị G xác định trong lễ cưới gia đình anh Kh có cho vàng cưới, có tài sản chung gồm 5 chỉ vàng 24kara (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ) và 7,5 chỉ vàng 18kara (gồm: 01 bộ vòng si men 05 chỉ; 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn cưới 0.5 chỉ) và chiếc điện thoại Iphone 8 mà anh Kh đưa cho chị sử dụng.

Hiện nay số tài sản chung này chị G đang giữ gồm: 5 chỉ vàng 24kara (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ) và 7,5 chỉ vàng 18kara (gồm: 01 bộ vòng si men 5 chỉ; 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn cưới 0.5 chỉ) và chiếc điện thoại Iphone 8.

Tuy nhiên, trong số 05 chỉ vàng 24kara thì 01 đôi bông tai 01 chỉ chị đang đeo, chị đã bán 04 chỉ vàng 24kara (sợi dây chuyền) và thống nhất xác định còn lại số tiền 17.000.000 đồng.

Nay với yêu cầu khởi kiện của anh Kh yêu cầu chia tài sản (nữ trang cưới) thì chị không đồng ý.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 29-3-2023 (bút lục số:36,37, 38,39,40) chị Nguyễn Thị Ngọc G có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Đỗ Hoàng Kh.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Hiện nay số tài sản (nữ trang cho trong ngày cưới) chị G đang giữ gồm: 5 chỉ vàng 24kara (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ),và 7,5 chỉ vàng 18kara (gồm: 01 bộ vòng si men 05 chỉ; 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn cưới 0.5 chỉ) và chiếc điện thoại Iphone 8.

Tuy nhiên, trong số 05 chỉ vàng 24kara thì 01 đôi bông tai 01 chỉ chị đang đeo, chị đã bán 04 chỉ vàng 24kara (sợi dây chuyền) và thống nhất xác định còn lại số tiền 17.000.000 đồng.

Nay với yêu cầu khởi kiện của anh Kh thì chị không đồng ý.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà :

Anh Kh xin rút lại yêu cầu đòi chị G trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 mà anh Kh cho chị G mượn trị giá 8.000.000 đồng.

Giữ nguyên ý kiến yêu cầu chia đôi số tài sản gồm: 5 chỉ vàng 24kara (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ: *đã bán 04 chỉ vàng 24kara (sợi dây chuyền) và thống nhất xác định còn lại số tiền 17.000.000 đồng*) và 7,5 chỉ vàng 18kara (gồm: 01 bộ vòng si men 5 chỉ; 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn cưới 0.5 chỉ).

Anh Kh có ý kiến quy đổi số vàng anh yêu cầu chia thành tiền mặt tại thời điểm xét xử.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Anh Đỗ Hoàng Kh khởi kiện xin được ly hôn và chia tài sản khi ly hôn nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

Tòa án nhân dân huyện Ch đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Ngọc G đến phiên tòa lần thứ hai nhưng chị G vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] -Về hôn nhân: Theo anh Đỗ Hoàng Kh và chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được thiết lập vào tháng 11 năm 2022, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh Kh và chị G có ý kiến đồng ý ly hôn. Hồi đồng xét xử xét thấy, anh Kh và chị G chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định Hội đồng xét xử không công nhận anh Đỗ Hoàng Kh với chị Nguyễn Thị Ngọc G là vợ chồng.

[3] - Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng Kh và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác nhận số nữ trang cha mẹ anh Kh cho trong ngày cưới hiện nay còn lại gồm : 01 đôi bông tay 01 chỉ vàng 24k; 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k đã bán xác định số tiền còn lại là 17.000.000 đồng; 7,5 chỉ vàng 18k (gồm: 01 bộ vòng si men 05 chỉ; 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn cưới 0.5 chỉ);

Theo anh Kh trình bày số vàng nữ trang này là tài sản chung của anh và chị G, do đó anh yêu cầu chia đôi số tài sản trên và yêu cầu được nhận giá trị tương đương. Riêng chiếc Iphone 8 anh đưa cho chị G mượn sử dụng thì yêu cầu chị G trả lại cho anh. Chị G không đồng ý theo yêu cầu của anh Kh. Chị G xác nhận hiện nay chị đang giữ số tài sản trên nhưng chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh Kh. Còn chiếc Iphone 8 là anh Kh cho chị trước khi hai người đám cưới nên chị không đồng ý trả lại theo yêu cầu của anh Kh.

Xét thấy, số nữ trang gồm: 01 đôi bông tay 01 chỉ vàng 24k; 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k đã bán xác định số tiền còn lại là 17.000.000 đồng; 7,5 chỉ vàng 18k là nữ trang trong ngày cưới gia đình anh Kh cho cô dâu theo phong tục, nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải chia đôi số tài sản trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Hoàng Kh về việc yêu cầu chia đôi số tài sản trên. Cụ thể như sau: Anh Kh, chị G mỗi người được chia 0,5 chỉ vàng 24k, 3,75 chỉ vàng 18k, tiền 8.500.000 đồng (tiền bán sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k còn lại).

Giá vàng 24k loại 99,99 tại thời điểm xét xử 5.675.000/1 chỉ x 01 chỉ = 5.675.000 đồng; giá vàng 18k là 3.590.000/ 1 chỉ x 7,5 chỉ = 26.925.000đồng

Anh Kh thống nhất giá vàng 24k loại 99,99 tại thời điểm xét xử 5.675.000 đồng/1 chỉ; vàng 18k là 3.590.000/ 1 chỉ

Chị G là người giữ số vàng nêu trên nên buộc chị G có trách nhiệm trả lại cho anh Kh 0,5 chỉ vàng 24k tương đương số tiền: 2.837.500 đồng; 3,75 chỉ vàng 18k tương đương số tiền:13.462.500 và 8.500.000 đồng, tổng cộng là : 24.800.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Đỗ Hoàng Kh đã rút một phần yêu cầu chia 1,5 chỉ vàng 24kara (gồm 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ) và việc đòi chị G trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 trị giá 8.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Kh, phù hợp với quy định định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần đối với yêu cầu rút của anh Kh. Hoàn trả lại cho anh Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với số vàng anh Kh rút yêu cầu khởi kiện.

[4] - Về con chung: Anh Đỗ Hoàng Kh và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác nhận không có, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] - Về nợ chung: Anh Đỗ Hoàng Kh và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Đỗ Hoàng Kh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng; án phí chia tài sản chung (24.800.000 đồng x 5%) = 1.240.000đồng, tổng cộng anh Kh phải nộp là : 1.540.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0005231, ngày 15-12-2022 của Chi cục Thi hành án huyện Ch, tỉnh K. Như vậy anh Kh còn phải nộp thêm số tiền 140.000đồng

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí về chia tài sản chung là : (24.800.000 đồng x 5%) = 1.240.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1,7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 33, Điều 53, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Hoàng Kh với chị Nguyễn Thị Ngọc G.

2. Về tài sản :

Chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Hoàng Kh đối với chị Nguyễn Thị Ngọc G về việc chia ½ số vàng gồm : 01 chỉ vàng 24k; 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k đã bán xác định số tiền còn lại là 17.000.000 đồng; 7,5 chỉ vàng 18k

Chia cho anh Đỗ Hoàng Kh và chị Trần Thị Ngọc G mỗi người được 0,5 chỉ vàng 24k, 3,75 chỉ vàng 18k, tiền 8.500.000 đồng (*tiền bán sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k còn lại)*.

Buộc chị Trần Thị Ngọc G có trách nhiện trả lại cho anh Kh 0,5 chỉ vàng 24k tương đương số tiền : 2.837.500 đồng ; 3,75 chỉ vàng 18k tương đương số tiền: 13.462.500 đồng và tiền mặt 8.500.000 đồng, tổng cộng là : 24.800.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu chia 1,5 chỉ vàng 24kara (gồm 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ) và việc đòi chị G trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 trị giá 8.000.000 đồng do anh Kh rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về con chung: Anh Đỗ Hoàng Kh và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về nợ chung: Anh Đỗ Hoàng Kh và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Anh Đỗ Hoàng Kh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng; án phí chia tài sản chung 1.240.000đồng, tổng cộng anh Kh phải nộp là : 1.540.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0005231, ngày 15-12-2022 của Chi cục Thi hành án huyện Ch, tỉnh K. Như vậy anh Kh còn phải nộp thêm số tiền 140.000đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí về chia tài sản chung là : 1.240.0000đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

[6]- Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyệnChâu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thúy Hằng